



Số/ No: 4377/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 27/12/2025 Trang/ Page: 1/2
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY CỔ PHẦN GIA PHÚ	
2. Địa chỉ thử nghiệm: Place of testing:	Ấp Mới 2, Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh.	
3. Đối tượng thử nghiệm: Type of testing:	Máy hàn thủy lực HDPE (Khối bơm thủy lực) Hydraulic Butt Welding Machine (Hydraulic unit)	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 thiết bị 01 device	
5. Phương pháp thử nghiệm: Method of testing:	- TN/QT-04; TN/QT-03. - Theo yêu cầu của khách hàng/ At the request of customers; - Tài liệu NSX/ Manufacturer's documentation.	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	27/12/2025	
7. Thông số kỹ thuật/ Specification:		
Mã hiệu/ Model: FL 315	Số chế tạo/ Serial No: Không rõ/ NA	
Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/ NA	Số pha/ Phase: 1	
Công suất định mức/ Rating power: 0,75 kW	Kiểu làm mát/ Cooling type: Quạt hút	
Điện áp định mức/ Rating voltage	Stator: 220 V	Rotor: /
Dòng điện định mức/ Rating current	Stator: 4,8 A	Rotor: /
Hệ số công suất/ Power factor: Không rõ/ NA	Tần số/ Frequency: 50Hz	
Tốc độ quay định mức/ Rating rotation speed: 1400 r/min		
Nhà chế tạo/ Manufacture: SHENGZHOU FUTONG MOTOR CO., LTD		
8. Phương tiện thử nghiệm: Testing equipment:	Kyoritsu 3125A, ZZS-10A, DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
10. Kết quả thử nghiệm: Testing result:	Xem trang sau See next page	
11. Tem thử nghiệm: Testing stamp No:	2914/25/ETSC	
12. Kết luận Conclusion	Các hạng mục kiểm tra thiết bị trên hoạt động bình thường/ The above equipment test items are in normal operation	
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 12/2026 Recommended next testing period:		

Người Thực Hiện
Executor

Đoàn Nguyễn Huy Thắng

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Quốc Hoàn





Số/ No: 4377/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 27/12/2025 Trang/ Page: 2/2
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1/ Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition:

Stt No	Đối tượng kiểm tra Check object	Kết quả Result	Đánh giá Evaluate
1	Nhãn mác, cảnh báo an toàn Brand, safety warning	Đầy đủ Full of Brand	Đạt/ Pass
2	Kiểm tra lắp đặt/ Check installation	Chắc chắn/ Sure	Đạt/ Pass
3	Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
4	Bảng thông số máy/ Table of machine parameters	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
5	Thân máy/ Maintank	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
6	Chổi than/ Brush	/	/
7	Cổ góp/ Slip ring	/	/
8	Tình trạng các kết nối/ Connections status	Chắc chắn/ Secure	Đạt/ Pass
9	Tình trạng bề mặt kim loại/ Metal surfaces	Đúng với thiết kế True to the design	Đạt/ Pass
10	Ký hiệu các đầu cực/ Symbols of the terminals	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass
11	Dây nối đất của động cơ/ Motor ground wire	/	/
12	Vệ sinh & siết lực/ Cleaning & tightening	Bình thường/ Normal	Đạt/ Pass

10.2/ Đo điện trở cách điện – Nhiệt độ dầu/ Insulation resistance measurement - Oil temperature: 30 °C

Đối tượng đo Testing object	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Giá trị đo (MΩ) Measured value		Hệ số hấp thụ DAR	Giá trị tiêu chuẩn Standard value		Đánh giá Remark
		R''15	R''60		R''60 (MΩ)	DAR	
Pha – Vô	500	100	140	1,4	≥2	≥1,3	Đạt/ Pass

10.3/ Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng thử nghiệm The object of test	Điện áp thử nghiệm/ Test voltage (kV/s)	Kết quả đo Measurement results	Đánh giá Assess
Pha – Vô	1,0/60	Không sụt áp No collapse of the test voltage occurs	Đạt/ Pass

10.4/ Kiểm tra điện áp vận hành/ Operational test:

Điện áp thử nghiệm Voltage test	Dòng điện khởi động Current	Tình trạng hoạt động Operated situation	Đánh giá Assess
220 VAC	220 AAC	Thiết bị hoạt động bình thường Device Operation Normal	Đạt/ Pass